

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:69/2019/DS -ST

Ngày: 23/10/2019

V/v Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu ở và tài sản khác gắn liền với đất và yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hình

Ông Đỗ Nguyễn Văn Duy Linh

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đức Anh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:

Ông D Quy Thái- Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hành chính thụ lý số 79/2017/TLST-HC ngày 15 tháng 11 năm 2017 về việc “*Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu ở và tài sản khác gắn liền với đất và yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*” (Vụ án Hành chính giải quyết theo tổ tụng dân sự).

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 26/2019/QĐXX-ST ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh D, sinh năm 1983;

Cư trú: Số 07, tổ 3, ấp A, xã H, huyện T, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Huy B, sinh năm 1986;

Cư trú: Ấp L, xã G, huyện C, tỉnh An Giang. Đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh An Giang (Trong vụ án hình sự khác).

2. Văn phòng Công chứng Lê Trung H do ông Lê Trung H trưởng Văn phòng.

Trụ sở: Tổ 1, đường N, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện T;

Người đại diện hợp pháp cho Ủy ban nhân dân huyện T là ông Nguyễn T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 23/11/2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân huyện T: Ông Nguyễn V – Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T.

2. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1979;

Cư trú: Nhà không số, tổ 1, ấp T, xã L, huyện T, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, có mặt: Ông Nguyễn Minh D, Nguyễn Huy B, Nguyễn Văn M; vắng mặt: Ông Nguyễn T, Nguyễn V, Lê Trung H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

* Nguyên đơn ông Nguyễn Minh D trình bày: Khoảng năm 1992, ông Trần Duy C (Anh em bà con cô cậu với ông D) được Nhà nước cấp diện tích đất khoảng 29.000m², đất tọa lạc tại xã H, huyện T và ông C đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây viết tắt GCNQSDĐ). Do làm ăn thua lỗ, nên ông C giao lại cho ba của ông D là Nguyễn Văn M quản lý canh tác. Đến năm 2000, ông D thay ông M quản lý sử dụng diện tích đất này.

Năm 2007, cha mẹ cho ông D 19.287m² trong số đất của ông C giao trước đây, nên ngày 21/8/2007, ông Trần Duy C cùng vợ là Nguyễn Thị M ký Hợp đồng tặng cho ông D thửa số 9,10 tờ bản đồ số 6, diện tích 19.278m² tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện T. Đến ngày 10/9/2007, Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt UBND) huyện T cấp GCNQSDĐ số bìa AH 110544, số vào sổ H1863kK, diện tích 19.278m², thửa số (Không ghi số); tờ bản đồ số 6; mục đích sử dụng đất nông nghiệp, tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện T, tỉnh An Giang cho ông D. Trong GCNQSDĐ không ghi số thửa, nhưng Danh sách các thửa đất nông nghiệp liền kề được cấp cùng GCNQSDĐ có ghi thửa số 09, 10. Tại thời điểm cấp GCNQSDĐ, ông D còn độc thân, nên GCNQSDĐ số AH 110544 do cha mẹ ông cất giữ. Đến tháng 8/2017, sau khi cha ông mất thì ông không tìm thấy GCNQSDĐ số bìa AH 110544, số vào sổ H1863kK.

- Ông liên hệ Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chi nhánh T thì được biết: Em ruột của ông là Nguyễn Huy B đã gian dối làm Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất do Văn phòng Công chứng Bình Biên xác lập ngày 26/8/2013, có nội dung ông D tặng cho B diện tích đất 19.278m². Từ diện tích này, B tách thành 02 GCNQSDĐ, như sau:

+ GCNQSDĐ số bìa BO 900807, số vào sổ CH02852 do UBND huyện T cấp cho Nguyễn Huy B ngày 11/9/2013, thửa số 10, tờ bản đồ số 6, diện tích 10.206m², tọa lạc tại xã H, huyện T, tỉnh An Giang. Nguyễn Huy B đã làm Hợp đồng tặng cho Nguyễn Văn M (Minh là anh ruột của D và B) diện tích đất này. Ông Nguyễn Văn M đã được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số bìa BV 767521, số vào sổ CH03176 ngày 19/6/2015 đối với diện tích 10.206m².

+ GCNQSDĐ số bìa BO 900806, số vào sổ CH02851 do UBND huyện T cấp cho Nguyễn Huy B ngày 11/9/2013, thửa số 9, tờ bản đồ số 6, diện tích 9072m² cấp ngày 11/9/2013, đất tọa lại tại xã H, huyện T, tỉnh An Giang. Đến ngày 22/10/2015, UBND huyện T đã cấp mới GCNQSDĐ số bìa BV 796864, số vào sổ CH03284, diện tích 9072m² cho Nguyễn Huy B.

- Ông Nguyễn Minh D cho rằng Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất do Văn phòng Công chứng huyện T xác lập là hoàn toàn giả mạo vì ông không có tặng cho Nguyễn Huy B quyền sử dụng đất số bìa AH 110544, số vào sổ H1863kK diện tích 19.278m². Do đó ông yêu cầu:

+ Hủy GCNQSDĐ số bìa BO 900807, số vào sổ CH02852, ngày 11/9/2013 do UBND huyện T cấp cho ông Nguyễn Huy B;

+ Hủy GCNQSDĐ số bìa BV 767521 số vào sổ CH03176, ngày 19/6/2015 do UBND huyện T cấp ông Nguyễn Văn M;

+ Hủy GCNQSDĐ số bìa BV 796864, số vào sổ CH03284, ngày 22/10/2015 do UBND huyện T cấp cho Nguyễn Huy B. Hiện nay, ông D đang giữ bản chính GCNQSDĐ số bìa BV 796864, số vào sổ CH03284.

+ Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/8/2013 (Số 990 – Quyền số 01TP/CC-SCC-HĐCN) do Văn phòng Công chứng huyện T xác lập.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Huy B trình bày: Diện tích đang tranh chấp là của cha mẹ ông tạo lập. Do chính sách về đất đai, mỗi người không được đứng tên trên 30 công đất, thời điểm cấp GCNQSDĐ thì ông D sống cùng với ba mẹ và chưa có gia đình riêng, nên để cho D đứng tên 20 công đất. Do ba của ông làm ăn thua lỗ, cưới gả nhiều, nên có cầm cố GCNQSDĐ do ông D đứng tên. Ba của ông kêu ông D trả tiền để lấy GCNQSDĐ ra, nhưng ông D không đồng ý. Sau đó, ông B trả 300.000.000đ để chuộc GCNQSDĐ của ông D ra và yêu cầu ông D chuyển tên cho ông B 10 công đất trong số 20 công ông D đang đứng tên, nhưng ông D không đồng ý. Thời gian sau, ông D giao GCNQSDĐ cho ba của ông là ông M và ông D kêu ba của ông tự đi chuyển quyền cho ông B. Do đó, ông B mang bản chính GCNQSDĐ của ông D, bản photo các giấy tờ như: Hộ khẩu, chứng minh nhân dân, giấy chứng nhận độc thân của ông D (Những giấy tờ này là do ông D bỏ lại trong nhà của ba ông khi ông D làm thủ tục thế chấp để vay Ngân hàng trước đây) đến Văn phòng công chứng T để ký Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Tại Văn phòng công chứng T, ông B đã nhờ một người lạ mặt ký tên và lấn tay thay cho ông D trong Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Khi ký Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, không có mặt ông D tại Văn phòng Công chứng T.

Lúc còn sống, ba của ông có ý nguyện cho ông M 10 công đất trong số đất D đứng tên quyền sử dụng. Do đó, sau khi làm thủ tục sang tên từ ông D sang ông B, ông B đã làm thủ tục tặng cho ông M diện tích 10.206m² và ông M đã được cấp GCNQSDĐ như ông D nêu trên.

Ông M được đứng tên GCNQSDĐ, nhưng thực tế đất vẫn do ông D sử dụng; ông M đang canh tác một thửa đất khác không đúng theo GCNQSDĐ được cấp, nên

ông D không biết việc tặng, cho này. Diện tích đất đã tặng, cho ông M, nên không đồng ý theo yêu cầu D về việc hủy Giấy này.

Riêng GCNQSDĐ do ông B đứng tên đã làm thất lạc. Ông B đồng ý chuyển trả lại cho ông D diện tích đất 9.072m² do ông B đứng tên.

* Bị đơn: Văn phòng Công chứng Lê Trung H có Văn bản trình bày ý kiến ngày 29/3/2019: Văn phòng Công chứng Lê Trung H trước đây là Văn phòng công chứng T có công chứng Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/8/2013 số 900 – quyền 01 TP/CC-SCC-HĐCN giữa người tặng cho là ông Nguyễn Minh D, người nhận là ông Nguyễn Huy B. Việc công chứng được thực hiện đúng trình tự và hồ sơ lưu công chứng đầy đủ. Yêu cầu Tòa án trung cầu giám định dấu vân tay, chữ ký, chữ viết của ông D và ông B trong Hợp đồng để xác định sự thật của vụ án.

Do điều kiện Văn phòng Công chứng Lê Trung H khó khăn về mặt nhân sự và không chủ động được thời gian, nên xin vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; hòa giải; đối chất cũng như khi vụ kiện được đưa ra xét xử.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện T có Công văn số 1641/UBND-NC ngày 07/5/2018 trình bày như sau:

- Đối với GCNQSDĐ số BO 900807 ngày 11/9/2013 với diện tích là 10.206m² có nguồn gốc đất là của ông Nguyễn Minh D. Năm 2013, ông Nguyễn Minh D ký Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lại cho ông Nguyễn Huy B (Hợp đồng số 990 do Văn phòng Công chứng T chứng thực ngày 26/8/2013).

- Đối với GCNQSDĐ số BV 796864 ngày 22/10/2015 diện tích 9.072m² do ông Nguyễn Huy B đứng tên.

+ Nguồn gốc đất là do ông Nguyễn Văn Mư, sinh năm 1939, cư trú: Ấp L, xã G, huyện C, tỉnh An Giang nhận tặng cho từ ông Nguyễn Huy B (Hợp đồng số 695, do Văn phòng Công chứng T chứng thực ngày 24/7/2015).

+ Năm 2015, ông Nguyễn Văn Mư lập Hợp đồng tặng cho riêng quyền sử dụng đất lại cho Nguyễn Huy B (Theo Hợp đồng tặng cho riêng quyền sử dụng đất số 458, do Văn phòng Công chứng Long Xuyên chứng thực ngày 12/10/2015).

Qua xem xét hồ sơ thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Huy B gồm: GCNQSDĐ số BO 900807 và GCNQSDĐ số BV 796864 đều qua Văn phòng Công chứng thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

UBND huyện T yêu cầu vắng mặt khi xét xử.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn M trình bày: Ông không đồng ý trả lại diện tích đất mà ông đang đứng tên cho ông Nguyễn Minh D vì khi còn sống, ba của ông đã đồng ý cho ông 10 công đất. Việc ông D sang tên cho ông B đứng tên diện tích đất nêu trên, ông không hay biết, chỉ đến khi ông D khởi kiện thì ông M mới biết sự việc này. Ông không đồng ý hủy GCNQSDĐ do ông đứng tên.

Tòa án thụ lý vụ án Hành chính, nhưng sau khi xem xét ông D yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, nên Tòa án đã có Thông báo số 104/2018/TB-TA ngày 27/3/2018 giải quyết vụ án Hành chính theo thủ tục tố tụng dân sự và thay đổi tư cách người tham gia tố tụng.

Quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của ông Nguyễn Minh D, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành Quyết áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2017/QĐ – BPKCTT, ngày 17/11/2017, có nội dung: Cấm chuyển dịch với bất kỳ hình thức nào: Chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, vay vốn đối với GCNQSDĐ số CH 03284 do UBND huyện T cấp ngày 22/10/2015 cho ông Nguyễn Huy B.

Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết tên và dấu vân tay của ông Nguyễn Minh D.

Tại Kết luận giám định số 62/KLGT-PC09 ngày 01/8/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang đã kết luận như sau:

- + Không có đủ cơ sở để kết luận chữ ký mang tên Nguyễn Minh D dưới mục “Bên A” trên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất do Văn phòng công chứng T xác lập ngày 26/8/2013 (Ký hiệu: A) so với chữ ký của Nguyễn Minh D trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M6) có phải do cùng một người ký ra hay không.

- + Chữ viết tên Nguyễn Minh D dưới mục “Bên A” trên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất do Văn phòng công chứng T xác lập ngày 26/8/2013 (Ký hiệu: A) so với chữ viết của Nguyễn Minh D trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M6) không phải do cùng một người ký ra.

- + Dấu vân tay in tại vị trí ký tên Nguyễn Minh D dưới mục “Bên A” trên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất do Văn phòng công chứng T xác lập ngày 26/8/2013 (Ký hiệu: A) với dấu vân tay 10 ngón của Nguyễn Minh D in trên Biên bản làm việc ngày 31/7/2018 (Ký hiệu TLMSS:M6) là không phải của cùng một người in ra.

Vụ án có Quyết định tạm đình chỉ số 03/2019/QĐST-HC ngày 28/6/2019, lý do chờ kết quả giám định.

Sau khi có kết quả giám định, ngày 09/9/2019, Tòa án ban hành Quyết định số 03/2019/QĐST-HC tiếp tục giải quyết vụ án hành chính.

Tại phiên tòa hôm nay,

- Ông Nguyễn Minh D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; cung cấp bản chính GCNQSDĐ số bìa CH 03284, sổ vào sổ CH03284, thửa số 9, bản đồ số 6, diện tích 9.072m² do UBND huyện T cấp ngày 22/10/2015 cho ông Nguyễn Huy B.

- Ông Nguyễn Huy B trình bày: GCNQSDĐ số bìa BO 900806, sổ vào sổ CH02851, ngày 11/9/2013 do UBND huyện T cấp cho Nguyễn Huy B, ông B đã tặng cho lại ông Mư. Sau đó, ông Mư tặng cho lại cho ông B đứng tên GCNQSDĐ số bìa CH 03284, sổ vào sổ CH03284 do UBND huyện T cấp ngày 22/10/2015, bản chính ông D đang giữ.

- Ý kiến của Viện Kiểm sát:

+ Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng, của Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử không phát hiện vi phạm.

+ Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt HĐXX) chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh D

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[2]. Việc vắng mặt của các đương sự tại phiên toà: Nguyễn T, Nguyễn V, Văn phòng công chứng Lê Trung H có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông D yêu cầu hủy CNQSDĐ do UBND huyện T cấp, nên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết là đúng quy định tại Khoản 4, Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 4, Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[4]. Về việc ủy quyền tham gia tố tụng: UBND huyện T ủy quyền cho Nguyễn T – Phó Chủ tịch tham gia tố tụng cho đến khi kết thúc vụ án. Việc ủy quyền này của các đương sự phù hợp với quy định tại Khoản 1, Điều 138 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Tòa án chấp nhận.

[5]. Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn T được Chủ tịch UBND huyện T ủy quyền tham gia tố tụng, nhưng vắng mặt không lý do trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nên Tòa án lập Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 1, Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6]. Về việc áp dụng pháp luật: Việc cấp GCNQSDĐ ông B, ông M vào năm 2013, 2015, nên được áp dụng pháp luật về đất đai có hiệu lực tại thời điểm năm 2013, 2015 để giải quyết; việc tặng cho quyền sử dụng đất được thực hiện ngày 26/8/2013, thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực, nên được áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết.

[7]. Về nội dung khởi kiện: Xem xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh D, HĐXX xét thấy:

[8]. Về nguồn gốc đất, các đương sự xác nhận do cha mẹ cho ông Nguyễn Minh D. Việc ông B, ông M trình bày ông M chỉ cho ông D đứng tên giùm không có chứng cứ để chứng minh.

[9]. Ông Nguyễn Minh D được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số bìa AH 110544, sổ vào sổ H1863kK, diện tích 19.278m², thửa số 9,10; tờ bản đồ số 6; mục đích sử dụng đất nông nghiệp, tọa lại tại ấp A, xã H, huyện T, tỉnh An Giang, nên quyền lợi hợp pháp của ông D được đảm bảo theo quy định của Luật Đất đai.

[10]. Ông B xác lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/8/2013 được Văn phòng công chứng T công chứng, có nội dung ông D tặng cho B diện tích đất 19.278m² trong GCNQSDĐ số bìa AH 110544, sổ vào sổ H1863kK do UBND

huyện T cấp cho ông Nguyễn Minh D, nhưng ông D không thừa nhận ký tên, lăn tay trong Hợp đồng này.

[11]. Về chứng cứ, ông B xác nhận nhờ người khác ký tên, lăn tay thay cho ông D trong Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/8/2013 (Số 990 – Quyền số 01TP/CC-SCC-HĐCN) do Văn phòng Công chứng huyện T xác lập. Việc xác nhận của ông B phù hợp với Kết luận số 62/KLGT-PC09 ngày 01/8/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang, nên việc xác nhận của ông B và Kết luận số 62/KLGT-PC09 được xem là chứng cứ cho việc giải quyết vụ án theo quy định tại Khoản 2, Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[12]. Qua đó, đủ cơ sở để kết luận ông D không tự nguyện mà do ông B gian dối trong việc xác lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên, đã vi phạm Điều 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005 về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự. Do đó, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/8/2013 bị vô hiệu ngay từ khi xác lập theo quy định tại Điều 127, Điều 137 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[13]. Đối với Văn phòng Công chứng T (Nay Văn phòng Công chứng Lê Trung H) khi công chứng Hợp đồng đã thiếu sự kiểm tra, để người không phải là ông D ký tên, lăn tay trong Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/8/2013. Trên cơ sở công chứng của Văn phòng Công chứng T, UBND huyện T chuyển quyền sử dụng đất từ ông D sang ông B không đúng pháp luật. Do đó, cần hủy các GCNQSDĐ do ông B đứng tên từ Hợp đồng gian dối này.

[14]. Đối với GCNQSDĐ số bìa BO 900807, số vào sổ CH02852 do UBND huyện T cấp cho Nguyễn Huy B ngày 11/9/2013, thửa số 10, tờ bản đồ số 6, diện tích 10.206m², tọa lại tại xã H, huyện T, tỉnh An Giang. Nguyễn Huy B đã làm Hợp đồng tặng cho Nguyễn Văn M diện tích đất này. Ông Nguyễn Văn M đã được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số bìa BV 767521, số vào sổ CH03176 ngày 19/6/2015 đối với diện tích 10.206m². HĐXX xét thấy, mặc dù ông M không biết việc ông B gian dối chuyển tên quyền sử dụng đất từ ông D sang ông B để từ ông B tặng cho ông M, nhưng ông M vẫn biết đất này là của ông D, ông D không tự nguyện cho ông B. Mặt khác, ông M chỉ là người đứng tên trên danh nghĩa, không có quá trình sử dụng đất; kể từ năm 2015 được tặng cho quyền sử dụng đất, ông M không có thời gian quản lý sử dụng đối với diện tích đất này, đất vẫn do ông D quản lý sử dụng. Do đó, cần hủy GCNQSDĐ do ông M đứng tên.

[15]. GCNQSDĐ số bìa BO 900807, số vào sổ CH02852 đã bị thu hồi khi ông B làm thủ tục chuyển tên cho ông M, nên không cần thiết phải hủy GCNQSDĐ số bìa BO 900807, số vào sổ CH02852 mà chỉ hủy GCNQSDĐ số bìa BV 767521, số vào sổ CH03176 do ông M đứng tên theo quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013.

[16]. GCNQSDĐ số bìa BO 900806, số vào sổ CH02851 do UBND huyện T cấp cho Nguyễn Huy B ngày 11/9/2013, thửa số 9, tờ bản đồ số 6, diện tích 9072m² cấp ngày 11/9/2013, đã bị thu hồi khi ông B làm thủ tục chuyển tên cho ông M, sau đó ông M chuyển tên quyền sử dụng đất cho ông B theo GCNQSDĐ số bìa BV 796864, số vào sổ CH03284, ngày 22/10/2015, nên không cần thiết hủy GCNQSDĐ

số bìa BO 900806, số vào sổ CH02851, mà chỉ hủy GCNQSDĐ số bìa BV 796864, số vào sổ CH03284, ngày 22/10/2015 do UBND huyện T cấp cho Nguyễn Huy B.

[17]. Do Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/8/2013 bị vô hiệu ngay từ khi xác lập, nên GCNQSDĐ đất số bìa AH 110544, số vào sổ H1863kK do UBND huyện T cấp ngày 11/9/2007 cho ông D vẫn còn nguyên giá trị. Tuy nhiên, GCNQSDĐ này đã bị thu hồi khi ông B làm thủ tục chuyển tên cho ông B, nên ông D được quyền chủ động đăng ký lại quyền sử dụng đất tại các thửa số 9,10, bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện T, tỉnh An Giang theo GCNQSDĐ số bìa AH 110544, số vào sổ H1863kK do UBND huyện T cấp ngày 11/9/2007.

[18]. Đối với Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D. Xét thấy, đề nghị này phù hợp với nhận định nêu trên, nên được HĐXX chấp nhận

[19]. Do yêu cầu của ông D được chấp nhận, nên cần thiết tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2017/QĐ – BPKCTT ngày 17/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang để đảm bảo cho việc thi hành án.

[20]. Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Minh D đã nộp tạm ứng chi phí giám định là 4.050.000đ (Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Tại phiên tòa, ông D tự nguyện chịu chi phí này, nên được HĐXX công nhận.

[21]. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Huy B và Văn phòng công chứng Lê Trung H, mỗi người phải nộp 300.000đ.

[22]. Ông D không phải chịu án phí, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[23]. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm a, Khoản 1, Điều 37; Khoản 1, Điều 147; Điều 264, Điều 266 và Khoản 1, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 2, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh D

+ Vô hiệu Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/8/2013 (Số 990 – Quyền số 01TP/CC-SCC-HĐCN) giữa ông Nguyễn Minh D và ông Nguyễn Huy B do Văn phòng Công chứng huyện T (Nay là Văn phòng Công chứng Lê Trung H) xác lập.

+ Hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Số bìa BV 767521, số vào sổ CH03176, ngày 19/6/2015 do UBND huyện T cấp Ông Nguyễn Văn M; số bìa BV 796864, số vào sổ CH03284, ngày 22/10/2015 do UBND huyện T cấp cho Nguyễn Huy B.

- Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2017/QĐ – BPKCTT ngày 17/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Ông Nguyễn Minh D có quyền chủ động đăng ký quyền sử dụng đất thuộc thửa số 09,10, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp Đông An xã H, huyện T, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AH 110544, sổ vào sổ H1863kK do UBND huyện T cấp ngày 11/9/2007.

- Về chi phí tố tụng: Nguyễn Minh D tự nguyện chịu chi phí 4.050.000đ (Bốn triệu lẻ năm chục nghìn đồng) chi phí giám định. Ông D đã nộp xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Huy B và Văn phòng công chứng Lê Trung H, mỗi người phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Nguyễn Minh D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002097 ngày 10/11/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Ủy ban nhân dân huyện T và Văn phòng công chứng Lê Trung H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại của Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Cục THA DS tỉnh An Giang (Khi Bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu: VP; Phòng KTNV-THA; TDS; Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Nguyễn